

**PHIẾU KHAI BÁO THÔNG TIN  
KIỂM TRA THÂN NHIỆT  
МЕДИЦИНСКАЯ ДЕКЛАРАЦИЯ  
(SCREENING FORM)**

**Phần A ( Dành cho những khu vực không bị ảnh hưởng)**

Vui lòng yêu cầu nhân sự được kiểm tra trả lời các câu hỏi sau đây. Bất kỳ nhân sự nào trả lời có cho câu hỏi 1 hoặc 2, đã đi từ các khu vực / quốc gia bị ảnh hưởng và xuất hiện các triệu chứng giống như cúm sẽ được cung cấp mặt nạ chuyên dụng, được cách ly ngay lập tức và đánh giá thêm bằng cách sử dụng phần B.

**Часть А (Для незатронутых районов)**

Обратитесь к работникам с просьбой ответить на следующие вопросы. Каждый ответивший «да» на вопросы 1 и 2, прибывший из районов/стран, затронутых эпидемией, и имеющий симптомы как при гриппе, получает спец. мед. маску, немедленно изолируется и проходит диагностику согласно Части В.

**PART A (Unaffected areas)**

Please ask personnel to be screened the following questions. Any person who answers yes to question 1 or 2, has traveled from affected areas/countries and is presenting with flu like symptoms is to be provided with a surgical mask, isolated immediately and further assessed utilizing PART B.

- Họ và tên/ФИО/Name .....
- Nam//Муж./М  Nữ//Жен./F  Năm sinh/Дата рождения/DOB:.....
- Địa chỉ/Адрес/Address:.....Số điện thoại//Тел./Tel:.....
- Đơn vị công tác/ Место работы/ Company:.....

|  |               |              |
|--|---------------|--------------|
| 1. Bạn đã đi du lịch hoặc lưu trú trong những ngày qua?<br>Вы недавно выезжали за пределы постоянного<br>места жительства?<br>Have you travelled/resided in the past days? | Có<br>Да..... | Không<br>Нет |
|  | Yes           | No           |

Nếu có hãy liệt kê các khu vực / quốc gia:  
Если да, укажите районы/страны:  
If YES, please list districts, countries:

Bạn đã tiếp xúc với bất kỳ người nào mà chẩn đoán Novel Coronavirus được xác nhận hoặc được xem xét trong 14 ngày qua?  
Вы контактировали с лицами, у которых было диагностировано или подозревается заражение новым штаммом коронавируса в последние 14 дней?  
Have you been in contact with any person for whom the diagnosis of Novel coronavirus is confirmed or being considered in the past 14 days?

|   |              |              |
|---|--------------|--------------|
| Có/Да/Yes   | Không/Нет/No |              |
| 2. Bạn có bị cúm như các triệu chứng, triệu chứng hô hấp hoặc các vấn đề về hô hấp?<br>Есть ли у вас симптомы как при гриппе, ОРВИ или проблемы с дыханием?<br>Do you have flu like symptoms, respiratory symptoms or breathing problems? | Có/Да/Yes    | Không/Нет/No |

Nếu có, vui lòng miêu tả chi tiết:  
Если есть, опишите подробно:  
If YES, Please describe:

Nhiệt độ/Температура/Temperature:

Tôi cam kết những thông tin trên là đúng sự thật, tôi hiểu rằng nếu cung cấp sai thông tin có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Я гарантирую, что предоставленные мной сведения достоверны, полны и точны. Я осознаю, что предоставление ложных сведений может привести к серьезным последствиям.

The information I have given is true, correct and complete. I understand failure to answer any question may have serious consequences.

**VIETSOVPETRO  
TRUNG TÂM Y TẾ**

Nếu bệnh nhân **không đi đến từ** một khu vực bị ảnh hưởng và đang biểu hiện các triệu chứng cúm, hãy cung cấp mặt nạ chuyên dụng cho bệnh nhân và bệnh nhân có thể đến phòng khám như bình thường.

Если пациент не посещал затронутые эпидемией районы, но имеет симптомы как при гриппе, он получает специальную маску и может проходить осмотр у врачей в нормальном режиме.

If the patient has not travelled to an affected area and is displaying flu symptoms provide a surgical mask and patient proceeds to the clinic as normal.

Bất kỳ bệnh nhân nào **trả lời có cho câu hỏi 1 hoặc 2** và **đã đi từ các khu vực / quốc gia bị ảnh hưởng** và **xuất hiện các triệu chứng giống như cúm** sẽ được cung cấp mặt nạ chuyên dụng, **cách ly ngay lập tức** và đánh giá thêm bằng cách sử dụng PHẦN B. **THÔNG BÁO CHO NGƯỜI PHỤ TRÁCH CỦA ĐƠN VỊ NGAY LẬP TỨC.**

Любой **ответивший «да» на вопросы 1 и 2, прибывший из районов/стран, затронутых эпидемией, и имеющий симптомы как при гриппе**, получает спец. мед. маску, **немедленно изолируется** и проходит диагностику согласно ЧАСТИ В.

*Any patient who answers yes to question 1 or 2, has traveled from affected areas/countries and is presenting with flu like symptoms is to be provided with a surgical mask, isolated immediately and further assessed utilizing PART B. Report to Company's line manager on duty immediately*

|  |  |
|--|--|
| Chữ ký bác sĩ / NVYT:<br>Подпись врача/медработника:<br>Doctor/ Assessor Signature:<br>Ngày/Дата/Date: | Chữ ký của khách hàng:<br>Подпись посетителя:<br>Client's signature<br>Ngày/Дата/Date: |
|--|--|

**Phần B – Sẽ được hoàn thành trong Khu vực cách ly**  
**Часть В – Заполняется в карантине**  
**PART B – To be completed in the Isolation Area**

- Họ và tên/ФИО/Name.....  
 Nam/Муж/M  Nữ/Жен/F  Năm sinh/Дата рождения/DOB:.....  
 - Địa chỉ/Адрес/Address:.....Số điện thoại/Тел./Tel:.....  
 - Đơn vị công tác/Место работы/Company:.....

**Hành trình và lưu trú trong 14 ngày qua trước khi đến công trình biển:**

Маршрут передвижения за 14 дней до отправки на морской объект:

Travel & residence/accommodation history in the 14 Past Days before mobilizing to Offshore

| Ngày<br>Дата<br>Date | Xuất phát<br>Убыл из<br>Origin | Đích đến<br>Прибыл в<br>Destination | Phương tiện di chuyển<br>Транспортное средство<br>Means of transport | Ghi chú<br>Примечания<br>Remarks   |
|----------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--|--|
|                      |                                |                                     |  | (14 ngày trước khi trước bay ra công trình biển)<br>За 14 дней до отправки на морской объект<br>14 Past Days before mobilizing to Offshore |
|                      |                                |                                     |  |  |
| <b>03/2020</b>       |                                |                                     |  | Ngày bay ra công trình biển<br>Дата отправки в море<br>Date for going to Offshore  |

**Các triệu chứng có trong 14 ngày qua (đánh dấu bất kỳ triệu chứng nào)**

**Симптомы в прошедшие 14 дней (позметить подходящие)**

**Symptoms experienced in the last days (tick any experienced)**

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
| Sốt / ớn lạnh<br>Жар/Озноб<br>Fever/Chills                         |  | Ho/Khшель/Coughing   |  |
| Thở hổn hổn<br>Нехватка воздуха<br>Shortness of Breath             |  | Khó thở<br>Затрудненное дыхание<br>Difficulty breathing                                  |  |
| Tiêu chảy/Diарея/Diarrhea  |  | Đau cơ<br>Боль в мышцах<br>Muscle aches  |  |
| Nôn mửa/Pvota/Vomiting   |  | Đau họng / sỏ mũi<br>Боль в горле/насморк<br>Sore throat/runny nose                      |  |
| Đau đầu<br>Головная боль<br>Headaches                              |  | Nổi ban ngoài da/Сыпь/Rash   |  |
| Xuất huyết ngoài da<br>Подкожные кровоизлияния<br>Skin haemorrhage |  | Bất kỳ bệnh không giải thích được<br>Необъяснимое недомогание<br>Any unexplained illness |  |

**VIETSOVPETRO**  
**TRUNG TÂM Y TẾ**

**Có tiếp xúc trong 14 ngày trước khi xuất hiện triệu chứng. (đánh dấu vào bất kỳ phơi nhiễm nào).**

**Контакты в течение 14 дней перед появлением симптомов (отметить подходящие)**

**Exposure during the days prior to the onset of symptoms. (tick any exposures)**

|  |  |
|--|--|
| <p>Tiếp xúc không được bảo vệ (trong khoảng cách chạm hoặc nói) với người có chẩn đoán đã hoặc nghi ngờ nhiễm Novel Coronavirus<br/>Незащищенный контакт (в пределах обычного расстояния при разговоре или касании) с лицом, у которого диагностирована или подозревается коронавирусная инфекция<br/>(Unprotected contact (within touching or speaking distance) for whom there is a known or suspected diagnosis of Novel coronavirus)</p>   |  |
| <p>Tiếp xúc không được bảo vệ (trong khoảng cách chạm hoặc nói, 1m) với người mắc bệnh hô hấp cấp tính không giải thích được mà sau đó dẫn đến viêm phổi nặng hoặc tử vong.<br/>Незащищенный контакт (в пределах обычного расстояния при разговоре или касании, 1 м) с лицом, у которого после необъяснимой ОРВИ случилась тяжелая пневмония или смерть<br/>Unprotected contact (within touching or speaking distance, 1m) with a person with an unexplained acute respiratory illness that later resulted in severe pneumonia or death.</p> |  |
| <p>Phơi nhiễm/Risk по роду деятельности/ Occupational Exposure<br/>Đến trang trại chăn nuôi/chợ buôn bán động vật sống/cơ sở giết mổ động vật tiếp xúc động vật.<br/>Посещение животноводческих/птицеводческих ферм, скотобоен, контакты с животными<br/>Visit any poultry farm/living animal market/slaughter house/contact to animal</p>   |  |

**Ý kiến khác/ Дополнительные комментарии/ Additional Comments**

|   |  |
|---|--|
| <p>Tôi cam kết những thông tin trên là đúng sự thật, tôi hiểu rằng nếu cung cấp sai thông tin có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.</p> <p>Я гарантирую, что предоставленные мной сведения достоверны, полны и точны. Я осознаю, что предоставление ложных сведений может привести к серьезным последствиям.</p> <p>The information I have given is true, correct and complete. I understand failure to answer any question may have serious consequences.</p> |  |
| <p>Chữ ký bác sĩ / NVYT:<br/>Подпись врача/медработника:<br/>Doctor/ Assessor Signature:<br/>Ngày/Дата/Date:</p>  | <p>Chữ ký của khách hàng:<br/>Подпись посетителя:<br/>Client's signature<br/>Ngày/Дата/Date:</p> |